

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1989;

Cư trú tại: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Hoàng V, sinh năm 1980;

Cư trú tại: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 57; 58; 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Phạm Hoàng V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Phạm Hoàng V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Thị Anh T, sinh ngày: 11/02/2007 và cháu Phạm Hoàng S, sinh ngày 26/11/2012 do chị T và anh V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh V thỏa thuận thống nhất giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu S cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị T và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh chị được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp

nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Khi cần thiết vì quyền lợi của con một hoặc hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận và yêu cầu tòa án ghi nhận:

Chị T được sở hữu xe mô tô 02 bánh biển số 63B5 – 048.31, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: đỏ - đen, số máy 5C64 – 654962, số khung 640BY654956, dung tích 110 do Công an huyện G cấp ngày 28/12/2011 cho anh Phạm Hoàng V đứng tên đăng ký.

Chị T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi lại giấy đăng ký mô tô, xe máy.

Anh V có trách nhiệm giao cho chị T số tiền 15.000.000 đồng (đã giao nhận xong vào ngày 30/01/2019).

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 39868 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T được hoàn lại giá trị chênh lệch là 850.000 đồng.

Anh V được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 40029 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trương Thị Cẩm Linh